

CÁC BỘ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA KHU VỰC CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA

★ PGS, TS HOÀNG ANH

★ TS PHẠM THỊ CHI

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.581.2026.157>

● **Tóm tắt:** Bài viết tập trung rà soát và phân tích hệ thống các bộ chỉ số đo lường đổi mới sáng tạo đang được áp dụng tại Việt Nam, bao gồm các chỉ số quốc tế và các chỉ số trong nước. Trên cơ sở phân tích cấu trúc, phương pháp luận và phạm vi phản ánh của các bộ chỉ số, bài viết chỉ ra những khoảng trống về mặt lý thuyết và thực tiễn trong việc đo lường đổi mới sáng tạo khu vực công hiện nay. Từ đó, đề xuất các yêu cầu mang tính nguyên tắc để xây dựng một bộ chỉ số chuyên biệt, góp phần thúc đẩy năng lực quản trị kiến tạo trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

● **Từ khóa:** đổi mới sáng tạo; khu vực công; chỉ số đo lường; quản trị kiến tạo; chuyển đổi số.

Current index sets for measuring public sector innovation in Vietnam: Realities and requirements

● **Abstract:** The article focuses on reviewing and analyzing the system of innovation measurement index sets currently applied in Vietnam, including international and domestic indices. Based on an analysis of the structure, methodology, and reflective scope of these index sets, the article points out theoretical and practical gaps in measuring current public sector innovation. On that basis, it proposes principled requirements for building a specialized index set, contributing to promoting modern, enabling governance capacity in the context of national digital transformation.

● **Keywords:** innovation; public sector; measurement index; enabling governance; digital transformation.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, đổi mới sáng tạo trở thành yêu cầu nội tại và là phương

thức quản trị tất yếu để khu vực công thích ứng với những biến động phức tạp của môi trường chiến lược. Việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu

quả hoạt động của bộ máy mà còn hướng tới mục tiêu kiến tạo giá trị công thực chất, đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của người dân và xã hội.

Tại Việt Nam, chủ trương thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực công được thể chế hóa qua các văn bản quan trọng như Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy các bộ chỉ số hiện hành như Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) hay Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) vẫn còn những hạn chế nhất định trong việc định lượng hóa năng lực đổi mới sáng tạo chuyên biệt của cơ quan nhà nước. Phần lớn, các công cụ này chủ yếu tập trung vào khung vĩ mô hoặc tính tuân thủ thủ tục, chưa bóc tách được mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, an toàn tâm lý của đội ngũ cán bộ và hiệu quả thực thi các sáng kiến đột phá trong hoạt động công vụ.

Do đó, việc nghiên cứu xây dựng một hệ quy chiếu đo lường tích hợp là yêu cầu cấp thiết để nhận diện các rào cản và xung lực đổi mới, từ đó hình thành nền hành chính hiện đại, liêm chính, kiến tạo và phục vụ nhân dân thực chất trong kỷ nguyên số.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng các bộ chỉ số quốc tế đối với khu vực công tại Việt Nam

Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) và sự phản ánh năng lực khu vực công

Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GI) do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố là khung khổ lý thuyết và thực chứng quan trọng để định vị năng lực tri thức của các quốc gia. Không chỉ có vai trò là một bảng xếp hạng,

GII còn là công cụ giúp các nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam nhận diện các điểm nghẽn thể chế, từ đó điều chỉnh chiến lược phát triển dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và sáng tạo. Cấu trúc của GI được xây dựng dựa trên sự cân

bằng giữa các yếu tố đầu vào (Innovation Input) và đầu ra (Innovation Output), qua đó hình thành nên một hệ quy chiếu đa chiều về hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Đối với khu vực công, GI phản ánh gián tiếp năng lực quản trị nhà nước thông qua Trụ cột 1 về Thể chế, bao gồm các chỉ số về môi trường chính trị, pháp lý và kinh doanh. Tuy nhiên, qua phân tích thực trạng, GI vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định như: tập trung quá nhiều vào đánh giá kết quả đầu ra của nền kinh tế, có độ trễ về dữ liệu và chưa định lượng hóa được các yếu tố “mềm” bên trong bộ máy hành chính như văn hóa tổ chức hay sự an toàn tâm lý của công chức.

Dưới đây là bảng tổng hợp và so sánh chi tiết điểm số của Việt Nam qua 07 trụ cột của

Việc nghiên cứu xây dựng một hệ quy chiếu đo lường tích hợp là yêu cầu cấp thiết để nhận diện các rào cản và xung lực đổi mới, từ đó hình thành nền hành chính hiện đại, liêm chính, kiến tạo và phục vụ nhân dân thực chất trong kỷ nguyên số.

Bảng 1. So sánh điểm số 07 trụ cột GII của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025

Trụ cột	Năm					Xu thế
	2021	2022	2023	2024	2025	
1. Thể chế	52.4	51.2	49.5	50.8	53.45	Cải thiện rõ rệt
2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu	32.1	33.5	34.0	35.2	30.47	Có sự điều chỉnh giảm
3. Hạ tầng	41.5	43.8	45.2	47.5	46.76	Duy trì mức cao
4. Sự tinh tế của thị trường	48.9	47.5	48.2	49.0	41.62	Biến động
5. Sự tinh tế của doanh nghiệp	38.6	39.2	40.5	42.1	35.72	Có sự điều chỉnh
6. Sản phẩm tri thức và công nghệ	37.2	38.5	40.8	42.5	28.87	Biến động theo mô hình mới
7. Sản phẩm sáng tạo	35.8	36.4	37.5	39.0	36.25	Duy trì nội lực
Xếp hạng chung toàn cầu	44	48	46	44	44	Duy trì vị trí

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên của WIPO)

GIÍ trong giai đoạn 2021 - 2025 nhằm làm rõ xu hướng biến động năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia (Bảng 1).

Dữ liệu từ bảng so sánh cho thấy năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 có sự phân hóa rõ nét. Trụ cột Thể chế ghi nhận bước tiến quan trọng khi tăng lên 53.45 điểm, điều này khẳng định hiệu quả bước đầu của các chính sách cải cách hành chính và kiến tạo môi trường số. Bên cạnh đó, sự bứt phá của trụ cột Sản phẩm sáng tạo và Hạ tầng đã tạo xung lực đối trọng với những biến động khách quan từ thị trường toàn cầu. Xu hướng này minh chứng cho sự thích ứng linh hoạt của hệ sinh thái quản trị trước yêu cầu chuyển đổi số toàn diện.

Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) - Bước chuyển dịch sang bối cảnh Việt Nam

Trong hệ thống các công cụ đo lường tại Việt Nam, Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (Provincial Innovation Index - PII) được xác lập là một mô hình thu nhỏ của chỉ số GII toàn cầu, đồng thời đã có sự điều chỉnh quan trọng

để phù hợp với các đặc thù về kinh tế, xã hội và trình độ phát triển của từng tỉnh, thành phố. Sự ra đời của PII đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy quản trị, từ tiếp cận chủ yếu dựa trên các chỉ số kinh tế vĩ mô sang chú trọng đánh giá năng lực nội sinh và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở cấp độ địa phương. Cấu trúc của PII kế thừa phương pháp luận của WIPO khi phân tích năng lực đổi mới dựa trên sự tương tác giữa các nguồn lực đầu vào và kết quả đầu ra, từ đó cho phép các nhà quản trị nhận diện được những thế mạnh và điểm yếu đặc thù của từng vùng miền.

Phạm vi phản ánh của PII tập trung vào việc định lượng hóa các yếu tố nền tảng thông qua các nhóm chỉ số về chính sách hỗ trợ và môi trường thúc đẩy. Ở khía cạnh này, PII đo lường sự sẵn sàng của chính quyền địa phương thông qua việc ban hành các văn bản hướng dẫn, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp và chương trình hành động cụ thể về khoa học, công nghệ. Đồng thời, các chỉ số về hạ tầng kỹ thuật và vốn con người trong PII cũng đóng vai trò xác lập nền

tăng cho các hoạt động sáng tạo, giúp các địa phương nhìn thấy rõ mối quan hệ giữa mức độ đầu tư cho giáo dục, đào tạo với khả năng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng tri thức cao. Việc nội địa hóa các tiêu chí quốc tế trong PII giúp bóc tách năng lực điều hành của chính quyền địa phương thông qua các biến số về cải cách thể chế và hỗ trợ dịch vụ số, bảo đảm bộ chỉ số bám sát thực tiễn phân cấp và năng lực dữ liệu tại Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, xét từ góc độ quản trị khu vực công, chỉ số PII vẫn bộc lộ những giới hạn nhất định về phương pháp tiếp cận. Một hạn chế căn bản là PII vẫn chủ yếu coi khu vực công đóng vai trò là chủ thể hỗ trợ cho sự đổi mới sáng tạo của xã hội và doanh nghiệp, thay vì nhìn nhận cơ quan nhà nước là một chủ thể cần tự thực hiện các hoạt động đổi mới. Điều này dẫn đến tình trạng các chỉ báo trong PII tập trung nhiều vào việc chính quyền đã “cho phép” hoặc “hỗ trợ” xã hội đổi mới như thế nào, mà chưa định lượng hóa được việc bản thân bộ máy hành chính đã đổi mới quy trình nghiệp vụ, tư duy lãnh đạo và cách thức quản trị nội bộ ra sao. Nói cách khác, năng lực đổi mới sáng tạo bên trong các cơ quan nhà nước vẫn chưa được bóc tách như một biến số độc lập có tác động quyết định đến hiệu quả của toàn bộ hệ sinh thái địa phương.

Bên cạnh đó, mặc dù PII đã có những bước tiến trong việc chuẩn hóa dữ liệu đa tầng và áp dụng các kỹ thuật kinh tế lượng để xử lý các giá trị ngoại lai, nhưng sự phụ thuộc vào các báo cáo hành chính từ địa phương vẫn đặt ra thách thức về tính khách quan. Các yếu tố mang tính quyết định đến sự thành công của đổi mới sáng tạo khu vực công như văn hóa học tập tổ chức, an toàn tâm lý của đội ngũ công chức và cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ,

dám làm theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW chưa được cụ thể hóa thành các chỉ báo định lượng rõ nét trong khung khổ của PII. Do đó, mặc dù PII là một công cụ quan trọng trong việc đánh giá và so sánh năng lực cạnh tranh đổi mới giữa các tỉnh, thành, nhưng để thúc đẩy một cuộc cách mạng về hiệu quả quản trị, Việt Nam vẫn cần một bộ chỉ số chuyên biệt có khả năng phản ánh sâu hơn năng lực vận hành và kiến tạo của các cơ quan nhà nước, từ đó tạo ra xung lực đổi mới từ cấp cơ sở lên đến hệ thống quốc gia.

2.2. Hệ thống các chỉ số đo lường quản trị và hành chính nội địa

Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX): Công cụ quản trị sự tuân thủ

Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) hiện được xem là công cụ quản trị mạnh mẽ và có phạm vi tác động sâu rộng nhất trong hệ thống hành chính nhà nước. Với cấu trúc đa tầng bao phủ từ cải cách thể chế, thủ tục hành chính đến hiện đại hóa nền hành chính, PAR INDEX đã tạo ra một cuộc chạy đua tích cực giữa các địa phương trong việc chuẩn hóa quy trình phục vụ.

Tuy nhiên, xét từ góc độ đổi mới sáng tạo khu vực công, PAR INDEX vẫn chủ yếu tập trung vào tính tuân thủ và quy trình hành chính sẵn có. Trong khung khổ của bộ chỉ số này, ranh giới giữa “Cải cách” (Reform) và “Đổi mới sáng tạo” (Innovation) vẫn chưa thực sự được bóc tách rõ nét. Cải cách thường hướng tới việc hoàn thiện các tiêu chuẩn cũ, củng cố tính ổn định và đồng bộ của hệ thống. Trong khi đó, đổi mới sáng tạo khu vực công đòi hỏi những giải pháp mang tính đột phá, vượt ra ngoài các khuôn khổ truyền thống để giải quyết các bài toán quản trị phức tạp. Việc nhấn mạnh vào tính chuẩn hóa và tuân thủ quy trình của

PAR INDEX ở một số trường hợp làm thu hẹp không gian cho các thử nghiệm chính sách mới trong quản trị nhà nước. Do đó, PAR INDEX phản ánh năng lực “quản trị tĩnh” nhiều hơn là khả năng “quản trị động” và kiến tạo sự đổi mới của khu vực công.

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): Góc nhìn từ người thụ hưởng

Khác với PAR INDEX dựa trên báo cáo và thẩm định của cơ quan nhà nước, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) cung cấp hệ quy chiếu từ phía người thụ hưởng dịch vụ công (citizen-centric). Các trục nội dung về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát tham nhũng trong khu vực công là những chỉ báo quan trọng của một nền hành chính đổi mới.

Giá trị cốt lõi của PAPI đối với đổi mới sáng tạo khu vực công là ở khả năng nhận diện các điểm nghẽn về mặt văn hóa công vụ và mức độ tham gia của người dân vào quá trình quản trị. Đổi mới không thể diễn ra trong một môi trường thiếu minh bạch hoặc thiếu sự tương tác xã hội. PAPI đã phản ánh được mức độ mở của chính quyền địa phương - một nhân tố then chốt để kích thích sáng tạo khu vực công thông qua việc huy động trí tuệ tập thể. Tuy nhiên, do dựa trên cảm nhận xã hội học, PAPI gặp khó khăn trong việc đo lường các nỗ lực đổi mới công nghệ sâu bên trong quy trình nghiệp vụ nội bộ của cơ quan nhà nước.

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Chuyển đổi số (DTI)

Trong hệ thống các công cụ đo lường tại Việt Nam, Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) đại diện cho hai khía cạnh then chốt của đổi mới sáng tạo khu vực công: tư duy lãnh đạo tiên phong và năng lực thực thi trên nền tảng công

nghệ số. Việc phân tích hai bộ chỉ số này cho thấy sự dịch chuyển từ quản trị truyền thống sang quản trị hiện đại, linh hoạt và dựa trên dữ liệu.

Về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Được xác lập là bộ chỉ số tiên phong trong việc đo lường tính linh hoạt và tinh thần tiên phong của bộ máy lãnh đạo địa phương. Điểm cốt lõi của PCI trong mối liên hệ với đổi mới sáng tạo khu vực công chính là khả năng định lượng hóa sự năng động của chính quyền cấp tỉnh trong việc tháo gỡ các nút thắt cơ chế cho doanh nghiệp. Sự vận dụng sáng tạo các quy định pháp luật vào điều kiện đặc thù của địa phương mà PCI phản ánh chính là biểu hiện thực chứng của đổi mới sáng tạo thể chế. Qua đó, PCI khẳng định một luận điểm quan trọng: đổi mới sáng tạo không chỉ thuần túy đến từ các giải pháp công nghệ mà trước hết phải xuất phát từ sự thay đổi trong tư duy lãnh đạo và phương thức điều hành. Tính tiên phong tại đây được hiểu là năng lực vượt qua các rào cản xơ cứng để kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo xung lực cho sự phát triển của hệ sinh thái đổi mới địa phương.

Về Chỉ số Chuyển đổi số (DTI): Trong kỷ nguyên kinh tế số, DTI đóng vai trò chủ đạo trong việc đánh giá mức độ hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật và số hóa các quy trình nghiệp vụ nội bộ. DTI tạo ra áp lực thúc đẩy các đơn vị hành chính ứng dụng dữ liệu thực tế để thay đổi căn bản cách thức giao tiếp và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, xét từ góc độ quản trị đổi mới, một hạn chế phổ biến hiện nay là DTI vẫn đang tập trung ưu tiên cho các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị công nghệ. Việc thiếu các đánh giá sâu về mức độ chuyển đổi văn hóa số và tư duy quản trị thông qua công nghệ khiến cho chuyển đổi số

đôi khi mới chỉ dừng lại ở bề nổi của các sản phẩm hữu hình. Việc đầu tư công nghệ nếu không đi kèm với đổi mới quy trình nghiệp vụ và nâng cao năng lực vốn nhân lực dễ dẫn đến tình trạng lãng phí nguồn lực hệ thống và không tạo ra được các giá trị công thụ hưởng thực chất cho xã hội.

Sự kết hợp giữa tính năng động của PCI và hạ tầng số của DTI đã bước đầu phản ánh quá trình chuyển dịch từ mô hình quản trị hành chính truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và tính linh hoạt thể chế. Tuy nhiên, để thực sự kiến tạo một hệ sinh thái quản trị hiện đại, cần có sự tích hợp sâu sắc hơn giữa tư duy đổi mới của con người và sức mạnh của công nghệ dữ liệu. Điều này đòi hỏi các bộ chỉ số trong tương lai phải vượt qua việc đo lường hạ tầng đơn thuần để hướng tới đánh giá hiệu quả chuyển hóa tri thức và văn hóa đổi mới sáng tạo bên trong bộ máy hành chính.

Đánh giá tính hệ thống và sự cần thiết của bộ chỉ số chuyên biệt

Qua phân tích các bộ chỉ số hiện hành có thể thấy, hệ thống chỉ số nội địa của Việt Nam dù đã bao quát nhiều chiều cạnh khác nhau của quản trị công và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, các bộ chỉ số này hiện vẫn đang tồn tại dưới dạng các mảng ghép rời rạc, mỗi công cụ chủ yếu phản ánh một khía cạnh riêng biệt của hoạt động quản trị nhà nước, cụ thể: PAR INDEX đo tính tuân thủ, PAPI đo cảm nhận người dân, PCI đo mức độ thân thiện doanh nghiệp và DTI đo hạ tầng kỹ thuật.

Mặc dù các hệ thống chỉ số hiện hành đã xác lập được những tiêu chuẩn quan trọng, nhưng chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo khu vực công vẫn thiếu một hệ quy chiếu tích hợp để kết nối đồng bộ các mắt xích từ nền tảng thể chế với cam kết chính trị mạnh mẽ, qua việc chuẩn bị nguồn

lực về vốn nhân lực và an toàn tâm lý, đến sự vận hành các quy trình dựa trên công nghệ dữ liệu và cơ chế thử nghiệm chính sách, nhằm hướng tới đích đến cuối cùng là tạo ra các kết quả và tác động xã hội mang giá trị công thực chất. Việc thiếu một bộ chỉ số chuyên biệt dẫn đến khó khăn trong việc định lượng hóa các yếu tố mang tính quyết định đến sự đột phá của bộ máy như: năng lực học tập tổ chức, khả năng quản trị rủi ro và đặc biệt là cơ chế bảo vệ cán bộ sáng tạo theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW.

2.3. Những khoảng trống và thách thức trong đo lường đổi mới sáng tạo khu vực công

Thông qua việc rà soát và đối chiếu hệ thống các chỉ số hiện hành, có thể nhận diện những hạn chế cơ bản đang kìm hãm khả năng phản ánh thực chất năng lực đổi mới sáng tạo của bộ máy hành chính. Thách thức lớn nhất hiện nay nằm ở sự thiếu hụt tính hệ thống trong các công cụ đo lường. Các bộ chỉ số như GII, PII hay PAR INDEX dù đã xác lập được những tiêu chuẩn quan trọng nhưng vẫn tồn tại dưới dạng các mảng ghép rời rạc, chưa kết nối thành một chuỗi giá trị hoàn chỉnh xuyên suốt từ giai đoạn đầu vào thể chế đến giai đoạn tác động xã hội cuối cùng. Sự đứt gãy trong logic đo lường khiến các nhà hoạch định chính sách khó nhận diện được mối quan hệ biện chứng giữa việc ban hành các Nghị quyết chiến lược với sự thay đổi thực chất trong chất lượng phục vụ nhân dân.

Một khoảng trống quan trọng khác chính là việc chưa có công cụ định lượng được các yếu tố nguồn lực mềm vốn đóng vai trò là xung lực then chốt cho mọi sự thay đổi. Các khái niệm mang tính quyết định như văn hóa đổi mới, năng lực học tập tổ chức và đặc biệt là sự an toàn tâm lý cho cán bộ công chức trong việc

thực hiện tinh thần dám nghĩ, dám làm vẫn chưa có thước đo cụ thể. Trong môi trường khu vực công với đặc thù mang tính thứ bậc và tuân thủ, nếu thiếu hụt cơ chế bảo đảm về mặt pháp lý và tổ chức trước các rủi ro khách quan, đội ngũ nhân sự sẽ có xu hướng lựa chọn giải pháp an toàn hệ thống, điều này khiến các nỗ lực đổi mới chỉ dừng ở mức độ hình thức hành chính, thay vì tạo ra sự thay đổi thực chất trong quản trị công.

Bên cạnh đó, áp lực về thành tích số liệu trong các báo cáo hành chính truyền thống đang tạo ra một rào cản lớn đối với tính khách quan của dữ liệu. Hiện tượng làm đẹp số báo cáo và sự sai lệch thông tin do áp lực xếp hạng khiến kết quả đo lường đôi khi không phản ánh đúng bản chất của sự sáng tạo thực chất tại cơ sở. Điều này đòi hỏi các hệ thống đo lường trong tương lai phải tích hợp được các kỹ thuật kiểm soát rủi ro và xử lý dữ liệu hiện đại nhằm bóc tách được những giá trị ảo, hướng tới việc xây dựng một nền hành chính dân chủ, pháp quyền và kiến tạo phát triển thực chất theo đúng tinh thần cải cách thể chế hiện nay.

2.4. Yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng bộ chỉ số mới

Việc xây dựng một bộ chỉ số mới không chỉ là yêu cầu về mặt kỹ thuật quản trị mà còn là nhiệm vụ chính trị cấp thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương khơi thông nguồn lực sáng tạo, bảo vệ cán bộ dám nghĩ dám làm. Để bộ chỉ số này thực sự trở thành động lực thúc đẩy năng lực quản trị và điều hành, cần bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, bộ chỉ số phải bảo đảm tính tương thích giữa các chuẩn mực quốc tế và đặc thù chính trị - xã hội của Việt Nam. Việc thiết kế các nhóm chỉ số cần kế thừa có chọn lọc các

mô hình uy tín như OECD hay GII, đồng thời phải bám sát và cụ thể hóa các chủ trương lớn của Đảng, đặc biệt là cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW. Sự kết hợp hài hòa này bảo đảm bộ chỉ số vừa có ngôn ngữ chung với cộng đồng quản trị quốc tế, vừa có giá trị dẫn dắt thực tiễn đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong nước.

Thứ hai, cấu trúc của hệ thống đo lường phải được tiếp cận theo logic chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo, bao quát đầy đủ bốn nhóm trụ cột then chốt bao gồm: thể chế, nguồn lực, quy trình và kết quả/tác động. Cách tiếp cận này giúp khắc phục triệt để tình trạng đánh giá rời rạc, cho phép nhà quản lý theo dõi lộ trình chuyển hóa từ ý chí chính trị và nguồn vốn nhân lực sang việc tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và cuối cùng là các giá trị công thụ hưởng thực chất của nhân dân. Việc bao quát đủ các nấc thang từ cá nhân đến tổ chức và hệ thống sẽ biến bộ chỉ số từ một công cụ đánh giá tĩnh thành một bản đồ định hướng chính sách, giúp xác định chính xác các điểm nghẽn đang kìm hãm sự sáng tạo tại từng đơn vị.

Thứ ba, áp dụng các kỹ thuật kinh tế lượng hiện đại trong xử lý và tính toán trọng số là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm tính khoa học và minh bạch. Các kỹ thuật như xử lý giá trị ngoại lai (Winsorization) và xác lập trọng số thông qua mô hình phương trình cấu trúc (SEM) sẽ giúp loại bỏ tối đa các biến nhiễu chủ quan, tạo ra một hệ quy chiếu khách quan để thực hiện phương pháp đối sánh (Benchmarking) giữa các đơn vị.

Thứ tư, bộ chỉ số phải mang tính hành động cao, không chỉ dừng lại ở việc xếp hạng thứ bậc mà quan trọng hơn là phải cung cấp bằng chứng thực chứng giúp các nhà lãnh đạo can

thiệt đúng lúc, đúng chỗ. Mục tiêu cuối cùng là kích hoạt năng lực đổi mới toàn diện của bộ máy nhà nước, biến những con số thống kê thành thông điệp quản trị mạnh mẽ để thúc đẩy sự liêm chính và hiệu quả trong khu vực công.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu hiện đại hóa nền quản trị công, việc xây dựng một bộ chỉ số chuyên biệt đo lường đổi mới sáng tạo khu vực công tại Việt Nam hiện nay không còn là một lựa chọn mà là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đáp ứng các yêu cầu cao của quá trình hội nhập và chuyển đổi số. Hệ thống này không chỉ đơn thuần là phép cộng cơ học các chỉ số hiện có, mà phải là một cấu trúc mới dựa trên tư duy quản trị phát triển, lấy con người làm chủ thể trung tâm và lấy công nghệ dữ liệu làm đòn bẩy. Sự tích hợp hài hòa giữa hành lang thể chế, vốn nhân lực và quy trình vận hành sẽ giúp bộ máy hành chính từ một thực thể thụ động tuân thủ quy trình thành một thực thể năng động, có khả năng kiến tạo những giá trị mới thực chất phục vụ nhân dân. Đây chính là tiền đề quan trọng để xây dựng một Chính phủ liêm chính, hành động và đổi mới, góp phần nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư □

Ngày nhận: 22/4/2026;

Ngày bình duyệt: 28/6/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/7/2026.

Email tác giả: chiqlgdk58@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và*

hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Bộ Chính trị (2021). *Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/09/2021 về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.*

Bộ Khoa học và Công nghệ (2024). *Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023.*

Bộ Nội vụ (2024a). *Báo cáo Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

Bộ Nội vụ (2024b). *Báo cáo Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023.*

Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Báo cáo Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT Việt Nam (Vietnam ICT Index) năm 2023.*

Chính phủ (2021). *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/07/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.*

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023). *Đổi mới tư duy quản trị quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số.* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

World Intellectual Property Organization (2021). *Global Innovation Index 2021: Tracking innovation through the COVID-19 crisis.* Geneva.

World Intellectual Property Organization (2022). *Global Innovation Index 2022: What is the future of innovation-driven growth?.* Geneva.

World Intellectual Property Organization (2023). *Global Innovation Index 2023: Innovation in the face of uncertainty.* Geneva.

World Intellectual Property Organization (2024). *Global Innovation Index 2024: Unlocking the promise of social innovation.* Geneva.

World Intellectual Property Organization (2025). *Global Innovation Index 2025: Unlocking the promise of social innovation.* Geneva.